

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 30/05/2014 đến ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 26

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 5239/QĐ/TCCB-LB ngày 23 tháng 12 năm 1995 và Quyết định số 3096/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Theo Quyết định số 1763/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quyết định chuyển Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký kinh Công ty TNHH Một thành viên lần đầu số 0100104429 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 11 năm 2010.

Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - Công ty TNHH MTV đã chuyển đổi thành Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 0100104429 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/5/2014.

Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM MOTORS INDUSTRY CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là VINAMOTOR.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP là: 876.028.230.000 đồng, được chia thành 87.602.823 Cổ phần, mệnh giá mỗi Cổ phần là: 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 120 phố Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Hải Trung	Chủ tịch
	Ông Hoàng Anh Tuấn	Ủy viên
	Ông Triệu Tuyên	Ủy viên
	Ông Nguyễn Lương Ngọc	Ủy viên
	Ông Trần Hữu Hưng	Ủy viên
	Ông Đặng Hải Châu	Ủy viên
	Bà Bùi Thị Thủy	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Hoàng Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
	Ông Triệu Tuyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Lương Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Hữu Hưng	Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Số. 291/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014
của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được các Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty liên kết Việt Nam Motor Cần Thơ. Do đó, chúng tôi không có đầy đủ bằng chứng kiểm toán để cho phép chúng tôi đánh giá về khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/05/2014 đến ngày 31/12/2014 của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trương Văn Nghĩa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1
Thay mặt và đại diện

Lê Thị Thanh Vân
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2723-2014-075-1

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

CHỨNG THỰC
SAO Y VĂN BẢN CHÍNH
Ngày 04 tháng 11 năm 2015



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Huy Cường

TÔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ớ TỜ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	30/5/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		415.631.866.204	-
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110		54.215.470.044	-
1. Tiền	111	5.1	17.199.970.044	-
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.1	37.015.500.000	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	1.000.043.227	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.000.043.227	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		196.496.617.266	-
1. Phải thu khách hàng	131		102.283.850.439	-
2. Trả trước cho người bán	132		52.858.062.988	-
5 Các khoản phải thu khác	135	5.3	41.354.703.839	-
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	145.867.408.134	-
1. Hàng tồn kho	141		145.867.408.134	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		18.052.327.533	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.617.390.569	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.478.705.160	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	954.417.200	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	6.001.814.604	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		678.661.276.555	-
I Các khoản phải thu dài hạn	210		58.923.538	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.4	58.923.538	-
II Tài sản cố định	220		155.922.569.014	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	144.520.741.408	-
- Nguyên giá	222		292.818.542.804	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(148.297.801.396)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	313.233.520	-
- Nguyên giá	228		797.538.009	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(484.304.489)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	11.088.594.086	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	516.271.016.706	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		235.869.500.120	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		280.401.516.586	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		6.408.767.297	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	5.386.767.297	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.022.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.094.293.142.759	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

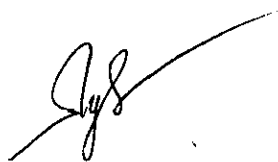
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	30/5/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		167.727.144.240	-
I- Nợ ngắn hạn	310		165.578.795.623	-
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.12	31.710.399.678	-
2. Phải trả người bán	312		48.899.937.210	-
3. Người mua trả tiền trước	313		9.207.229.423	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	6.431.461.318	-
5. Phải trả người lao động	315		12.757.239.313	-
6. Chi phí phải trả	316	5.14	9.362.035.727	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	40.666.814.759	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		6.543.678.195	-
II- Nợ dài hạn	330		2.148.348.617	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.16	303.928.925	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	324.240.144	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.520.179.548	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		926.565.998.519	-
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	926.565.998.519	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		876.028.230.000	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		50.537.768.519	-
12. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.094.293.142.759	-

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

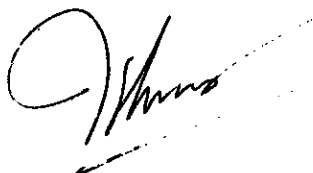
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Liên Hoa



Trần Hữu Hưng



Hoàng Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014


CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động từ 30/5/2014 đến 31/12/2014
			VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	439.224.064.978
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.19	176.954.545
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	439.047.110.433
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	397.620.070.223
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		41.427.040.210
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	47.312.699.054
7. Chi phí tài chính	22	5.22	4.181.745.170
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.103.452.318
8. Chi phí bán hàng	24		2.753.502.533
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.450.254.975
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		50.354.236.586
11. Thu nhập khác	31	5.23	1.683.143.386
12. Chi phí khác	32	5.24	1.499.611.453
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		183.531.933
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		50.537.768.519
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		50.537.768.519

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Liên Hoa

Trần Hữu Hưng

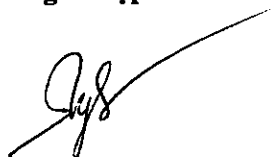
Hoàng Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014

Kỳ hoạt động
 từ 30/5/2014
 đến 31/12/2014


CHỈ TIÊU	MS	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	50.537.768.519
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	12.554.098.836
- Các khoản dự phòng	03	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(47.312.699.054)
- Chi phí lãi vay	06	3.103.452.318
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	18.882.620.619
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(185.049.317.232)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(145.867.408.134)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	300.962.314.025
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.639.390.569)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.103.452.318)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.649.255.588)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(18.463.889.197)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.243.788.275)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	166.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	501.094.104
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	47.220.504.499
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	40.644.719.419
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	81.052.567.822
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(49.017.928.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	32.034.639.822
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	54.215.470.044
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	54.215.470.044

Người lập



Nguyễn Liên Hoa

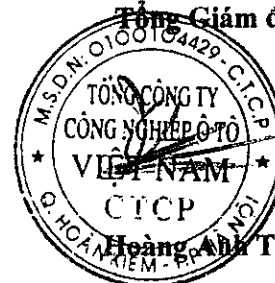
Kế toán trưởng



Trần Hữu Hưng

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP (gọi tắt là “Tổng Công ty”), chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành lập theo Quyết định số 5239/QĐ/TCCB-LB ngày 23 tháng 12 năm 1995 và Quyết định số 3096/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 10 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Theo Quyết định số 1763/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quyết định chuyển Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký kinh Công ty TNHH Một thành viên lần đầu số 0100104429 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 11 năm 2010.

Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam đã chuyển đổi thành Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0100104429 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/05/2014.

Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM MOTORS INDUSTRY CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là VINAMOTOR.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP là: 876.028.230.000 đồng, được chia thành 87.602.823 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng. Sở hữu vốn:

	Số cổ phần	Số tiền (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Vốn góp của Nhà nước	85.581.223	855.812.230.000	97,7%
Vốn góp của đối tượng khác	2.021.600	20.216.000.000	2,3%
Tổng	87.602.823	876.028.230.000	100%

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 120 phố Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác than, dầu thô, khí đốt, quặng kim loại, đá, cát, sỏi,...;
- Sản xuất tấm lốp cao su, đắp và tái chế lốp cao su, các sản phẩm khác từ cao su;
- Sản xuất cấu kiện kim loại;
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy và máy móc, thiết bị khác;
- Gia công cơ khí;
- Lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp;
- Xây dựng nhà, công trình các loại;
- Bán buôn, bán lẻ ô tô, xe máy, xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa mô tô, xe máy;
- Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ;
- Nhà hàng và dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh Bất động sản;
- Cho thuê xe, tài sản;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu môi giới lao động, việc làm;
- Đại lý du lịch;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Sản xuất xe có động cơ, ô tô, máy móc, thiết bị khác, gia công cơ khí.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Tổng Công ty:

- Văn phòng Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP;
- Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP - Nhà máy Sản xuất Ô tô Đồng Vàng;
- Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP - Nhà máy Cơ khí Công trình;
- Trường Trung cấp nghề Ô tô;
- Chi nhánh Xuất khẩu lao động Vinamotor;
- Khách sạn Vinamotor.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính/ Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014 là kỳ hoạt động đầu tiên dưới hình thức Công ty Cổ phần.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009, Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của các ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào bình quân của ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**Kỳ hoạt động từ ngày 30/05/2014
đến ngày 31/12/2014
(Số năm)**

Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 05

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Đầu tư vào các Công ty con

Đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Tổng Công ty vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Tổng Công ty. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của Công ty con được ghi nhận trong Báo cáo của Tổng Công ty khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) Công ty con.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Tổng Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2014
	VND
Tiền mặt	883.639.399
Tiền gửi ngân hàng	16.316.330.645
Các khoản tương đương tiền (*)	37.015.500.000
Tổng	54.215.470.044

Trong đó: ()* Số dư các khoản tương đương tiền của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2014 là số dư các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014	
	Số lượng	Giá trị
	CP	VND
1 Tiền gửi có kỳ hạn	-	1.000.000.000
2 Cổ phiếu	20	43.227
<i>Công ty Cổ phần Viglacera Đông Triều</i>	20	43.227
Tổng	20	1.000.043.227

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.3 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2014
	VND
Phải thu về cổ phần hóa	3.242.725.709
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	21.880.422.394
Phải thu khác	16.231.555.736
- Công ty CP Cơ khí và XD Công trình	2.599.246.575
- Công ty CP Cơ khí Ô tô và TB điện	2.300.000.000
Đà Nẵng - cho vay	
- Công ty CP ô tô Trường Sơn - cho vay	6.507.598.925
- Dự án tại Việt Yên, Bắc Giang	978.173.348
- Phải thu tiền của lao động thuyền viên	1.542.332.376
- Hiệp hội Hữu nghị Taikai.asia	354.897.120
- Phải thu khác	1.949.307.392
Tổng	41.354.703.839

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2014
	VND
Nguyên liệu, vật liệu	41.438.736.317
Công cụ, dụng cụ	126.644.138
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	54.725.013.640
Hàng hoá	48.788.918.801
Hàng gửi đi bán	788.095.238
Tổng	145.867.408.134

5.5 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2014
	VND
Thuế đất, tiền thuê đất nộp thừa	954.417.200
Tổng	954.417.200

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014
	VND
Tạm ứng	1.726.881.802
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.274.932.802
Tổng	6.001.814.604

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 30/5/2014	-	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	216.862.765.673	58.630.172.459	16.523.541.399	693.632.538	530.067.735	293.240.179.804
Mua trong kỳ	33.960.000	-	6.048.343.250	161.485.025	-	6.243.788.275
Đầu tư XDCB hoàn thành	175.000.000	-	-	-	-	175.000.000
Phân loại lại	-	-	-	-	81.471.850	81.471.850
Bản giao từ Công ty Nhà nước	216.653.805.673	58.630.172.459	10.475.198.149	532.147.513	448.595.885	286.739.919.679
Giảm trong kỳ	-	-	421.637.000	-	-	421.637.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	421.637.000	-	-	421.637.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	216.862.765.673	58.630.172.459	16.101.904.399	693.632.538	530.067.735	292.818.542.804
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 30/5/2014	-	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	105.071.015.344	36.711.252.630	6.039.195.448	460.317.340	366.447.831	148.648.228.593
Khấu hao trong kỳ	6.979.118.937	4.218.822.841	1.219.842.782	44.115.712	60.875.216	12.522.775.488
Bản giao từ Công ty nhà nước	98.091.896.407	32.492.429.789	4.819.352.666	416.201.628	305.572.615	136.125.453.105
Giảm trong kỳ	-	-	350.427.197	-	-	350.427.197
Thanh lý, nhượng bán	-	-	350.427.197	-	-	350.427.197
Số dư tại 31/12/2014	105.071.015.344	36.711.252.630	5.688.768.251	460.317.340	366.447.831	148.297.801.396
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 30/5/2014	-	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2014	111.791.750.329	21.918.919.829	10.413.136.148	233.315.198	163.619.904	144.520.741.408

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 30/5/2014	-	-	-
Tăng trong kỳ	626.467.000	171.071.009	797.538.009
Bàn giao từ công ty nhà nước	626.467.000	171.071.009	797.538.009
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	626.467.000	171.071.009	797.538.009
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 30/5/2014	-	-	-
Tăng trong kỳ	313.233.480	171.071.009	484.304.489
Khấu hao trong kỳ	31.323.348	-	31.323.348
Bàn giao từ công ty nhà nước	281.910.132	171.071.009	452.981.141
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	313.233.480	171.071.009	484.304.489
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 30/5/2014	-	-	-
Tại 31/12/2014	313.233.520	-	313.233.520

Trong đó: Tài sản vô hình quyền sử dụng đất là chi phí để có quyền thuê đất tại Cửa Lò, thời hạn sử dụng đất là 20 năm.

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

**Kỳ hoạt động
từ 30/5/2014
đến 31/12/2014
VND**

Tại ngày đầu kỳ	-
Nhận bàn giao từ Công ty Nhà nước	11.231.603.374
Tăng trong kỳ	619.888.883
Kết chuyển tài sản cố định	175.000.000
Kết chuyển vào chi phí	587.898.171
Tại ngày cuối kỳ	11.088.594.086

Chi tiết theo khoản mục

	31/12/2014 VND
Dự án tại Việt Yên, Bắc Giang	10.468.705.203
Hàng rào B40	109.082.487
Hệ thống thoát nước Nhà máy	510.806.396
Tổng	11.088.594.086

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

TT	Tên Công ty	31/12/2014	
		Số lượng CP	Giá trị VND
	Đầu tư vào công ty con		235.869.500.120
1	Công ty CP Cơ khí Ô tô Thống Nhất Thừa Thiên Huế	51.000	5.449.989.008
2	Công ty CP CN Ô tô Trường Sơn	2.277.000	1.843.637.703
3	Công ty CP Cơ khí Ô tô Nghệ An	486.234	8.565.808.659
4	Công ty CP CK Ô tô Hòa Bình	799.680	-
5	Công ty CP Vận tải Ô tô số 2	1.838.400	32.122.814.286
6	Công ty CP Dịch vụ Vận tải Ô tô số 6	908.263	-
7	Công ty CP DV Vận tải Ô tô số 10	296.835	5.068.998.575
8	Công ty CP Đầu tư Vinamotor	2.739.181	37.246.391.694
9	Công ty CP Ô tô 3/2	3.554.908	45.048.650.443
10	Công ty CP Cơ khí và XD công trình	225.458	2.400.209.752
11	C.ty TNHH MTV Cơ khí Ngô Gia Tự	9.812.300	98.123.000.000
	Góp vốn liên doanh		99.693.333.406
1	Công ty TNHH Liên doanh Ô tô Hòa Bình	-	47.650.297.526
2	Công ty TNHH Liên doanh với Hino Motors Việt Nam	-	52.043.035.880
	Đầu tư vào công ty liên kết		180.708.183.180
1	Công ty CP Việt Nam Motors Cần Thơ	6.082.861	20.516.543.998
2	Công ty CP Đầu tư CMC	382.500	2.295.000.000
3	Công ty CP Ô tô TMT	6.650.172	48.546.255.600
4	Công ty CP Vận tải Ô tô số 4	137.882	-
5	Công ty CP Trường An Sinh	213.345	2.101.063.478
6	Công ty CP Cao su Chất dẻo Đại Mỗ	249.100	2.594.337.207
7	Công ty CP Cơ khí 19/8	135.460	4.103.823.574
8	Công ty CP Đầu tư và PT Vận tải	733.400	10.976.820.651
9	Công ty CP Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8	643.326	7.529.559.543
10	Công ty CP Vận tải Ô tô số 1	784.080	9.074.172.454
11	Công ty CP Dịch vụ VT Trường Thọ	480.000	6.633.931.497
12	Công ty CP Cơ khí 120	1.365.799	-
13	Công ty Cổ phần DV Motor	494.000	5.153.192.845
14	Công ty CP Cơ khí và XD Giao thông	1.145.000	27.466.454.294
15	Công ty CP Vận tải Ô tô số 5	424.500	4.467.028.039
16	Công ty TNHH 1 TV Ô tô 1 - 5	2.925.000	29.250.000.000
	Tổng	45.835.684	516.271.016.706

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)****Thông tin chi tiết**

TT	Tên công ty	Ngành nghề	Vốn điều lệ VND	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế
Đầu tư vào Công ty con					
1	Công ty CP Cơ khí Ô tô Thống Nhất Thừa Thiên Huế	Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa ô tô	9.838.000.000	51,84%	51,84%
2	Công ty CP CN Ô tô Trường Sơn	Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa ô tô	33.180.000.000	66,63%	66,63%
3	Công ty CP Cơ khí Ô tô Nghệ An	Sản xuất, kinh doanh ô tô, Tbj	9.534.000.000	51,00%	51,00%
4	Công ty CP CK Ô tô Hòa Bình	Sản xuất, kinh doanh ô tô, Tbj	11.812.700.000	67,70%	67,70%
5	Công ty CP Vận tải Ô tô số 2	Vận tải, sản xuất xe vận tải	25.000.000.000	73,54%	73,54%
6	Công ty CP Dịch vụ Vận tải Ô tô số 6	Vận tải, sản xuất xe vận tải	92.193.233.020	55,37%	55,37%
7	Công ty CP Dịch vụ Vận tải Ô tô số 10	Vận tải, sản xuất xe vận tải	4.249.500.000	70,00%	70,00%
8	Công ty CP Đầu tư Vinamotor	Vận tải, kinh doanh ô tô, Tbj	31.559.300.000	86,79%	86,79%
9	Công ty CP Ô tô 3/2	Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa ô tô	62.749.900.000	56,65%	56,65%
10	Công ty CP Cơ khí và XD công trình	Kinh doanh thiết bị, xây dựng	4.400.000.000	51,24%	51,24%
11	C.ty TNHH MTV Cơ khí Ngô Gia Tự	Sản xuất, kinh doanh ô tô, Tbj	106.800.000.000	91,88%	91,88%
Góp vốn liên doanh					
1	Công ty TNHH Liên doanh Ô tô Hòa Bình	Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa ô tô	152.415.365.779	29,21%	29,21%
2	Công ty TNHH Liên doanh với Hino Motors Việt Nam	Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa ô tô	273.316.121.194	33,00%	33,00%
Đầu tư vào Công ty liên kết					
1	Công ty CP Việt Nam Motors Cần Thơ	Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa ô tô	125.000.000.000	48,71%	48,71%
2	Công ty CP Đầu tư CMC	Kinh doanh thiết bị, vận tải	45.610.500.000	8,39%	8,39%
3	Công ty CP Ô tô TMT	Sản xuất, lắp ráp ô tô	284.502.360.000	21,56%	21,56%
4	Công ty CP Vận tải Ô tô số 4	Vận tải, kinh doanh ô tô, Tbj	4.318.820.259	31,93%	31,93%
5	Công ty CP Trường An Sinh	Dịch vụ đào tạo	12.000.000.000	25,41%	25,41%
6	Công ty CP Cao su Chất dẻo Đại Mỹ	Sản xuất	8.590.000.000	29,00%	29,00%
7	Công ty CP Cơ khí 19/8	Sản xuất, kinh doanh ô tô, Tbj	12.092.600.000	11,20%	11,20%
8	Công ty CP Đầu tư và PT Vận tải	Vận tải, kinh doanh ô tô, Tbj	21.000.000.000	34,92%	34,92%
9	Công ty CP Dịch vụ Vận tải Ô tô số 8	Vận tải, kinh doanh ô tô, Tbj	27.249.450.000	23,61%	23,61%
10	Công ty CP Vận tải Ô tô số 1	Sản xuất, kinh doanh ô tô, Tbj	14.388.500.000	45,04%	45,04%
11	Công ty CP DV Vận tải Trường Thọ	Vận tải, kinh doanh ô tô, Tbj	60.000.000.000	8,00%	8,00%
12	Công ty CP Cơ khí 120	Sản xuất, kinh doanh ô tô, Tbj	30.000.000.000	45,53%	45,53%
13	Công ty Cổ phần DV Motor	Sản xuất, kinh doanh ô tô, Tbj	11.900.000.000	41,17%	41,17%
14	Công ty CP Cơ khí và Xây dựng Giao thông	Sản xuất, xây dựng	51.000.000.000	22,45%	22,45%
15	Công ty CP Vận tải Ô tô số 5	Vận tải, kinh doanh ô tô, Tbj	8.598.300.000	49,37%	49,37%
16	Công ty TNHH I TV Ô tô 1-5	Sản xuất, kinh doanh ô tô, Tbj	97.500.000.000	30,00%	30,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	Kỳ hoạt động từ 30/5/2014 đến 31/12/2014 VND
Tại ngày đầu kỳ	-
Tăng	6.220.173.816
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	833.406.519
Các khoản thanh lý khác	-
Tại ngày cuối kỳ	5.386.767.297

Chi tiết theo khoản mục chi phí

	31/12/2014 VND
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	684.354.953
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	4.702.412.344
Tổng	5.386.767.297

Trong đó: () Chi phí trả trước dài hạn của Tổng Công ty với giá trị ban đầu là 5.208.825.979 đồng là giá trị lợi thế kinh doanh tính vào giá trị doanh nghiệp khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa theo Quyết định số 3161/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 10 năm 2013 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp, Quyết định số 4738/QĐ-BGTVT ngày 27/12/2013 của Bộ Giao thông Vận tải về việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa của Tổng Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam. Chi phí này được thực hiện phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh không quá 10 năm kể từ khi Công ty Cổ phần chính thức đi vào hoạt động.*

5.12 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND
Vay ngắn hạn	31.710.399.678
<i>Ngân hàng Sacombank - Chi nhánh Thủ Đức</i>	7.000.000.000
<i>Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh Hà Nội</i>	24.618.049.678
<i>Vay cá nhân và đối tượng khác</i>	92.350.000
Tổng	31.710.399.678

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	397.000.445
Thuế xuất, nhập khẩu	165.708.466
Thuế thu nhập doanh nghiệp	467.985.564
Thuế thu nhập cá nhân	885.205.113
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	3.287.431.000
Các loại thuế khác	46.639.461
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.181.491.269
Tổng	6.431.461.318

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/3/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.14 Chi phí phải trả**

	31/12/2014
	VND
Lãi chậm nộp tiền thuê đất	6.651.573.000
Chi phí phạt thuế	2.699.670.000
Chi phí khác	10.792.727
Tổng	9.362.035.727

5.15 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014
	VND
Kinh phí công đoàn	204.889.094
Bảo hiểm xã hội	195.636.124
Phải trả về cổ phần hóa	12.513.283.131
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.753.006.410
- Phải trả tiền ký quỹ	1.500.000.000
- Phải trả của dự án Việt Yên, Bắc Giang	11.294.000.000
- Phải trả các Xi nghiệp, các Đội tại Nhà máy Cơ khí Công trình	1.481.018.070
- Phải trả lao động XKLD, quỹ hỗ trợ XKLD	10.867.082.116
- Các khoản khác	2.610.906.224
Tổng	40.666.814.759

5.16 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2014
	VND
Tiền đặt cọc của người lao động	213.928.925
Tiền đặt cọc của cơ sở đào tạo	90.000.000
Tổng	303.928.925

5.17 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014
	VND
Vay dài hạn	
Quỹ khoa học kỹ thuật	324.240.144
Tổng	324.240.144

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.18 Vốn chủ sở hữu****a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 30/5/2014	-	-	-
Tăng trong kỳ	876.028.230.000	50.537.768.519	926.565.998.519
Bản giao từ công ty nhà nước	876.028.230.000	-	876.028.230.000
Lãi	-	50.537.768.519	50.537.768.519
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	876.028.230.000	50.537.768.519	926.565.998.519

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014 VND
Vốn góp của Nhà nước	855.812.230.000
Vốn góp của đối tượng khác	20.216.000.000
Tổng	876.028.230.000

5.19 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ hoạt động từ 30/5/2014 đến 31/12/2014 VND
Doanh thu bán hàng	427.839.705.587
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.384.359.391
Tổng	439.224.064.978
Các khoản giảm trừ doanh thu	
Giảm giá hàng bán	176.954.545
Tổng	176.954.545
Doanh thu thuần	439.047.110.433

5.20 Giá vốn hàng bán

	Kỳ hoạt động từ 30/5/2014 đến 31/12/2014 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	393.119.704.995
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.500.365.228
Tổng	397.620.070.223

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.21 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ hoạt động từ 30/5/2014 đến 31/12/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.554.427.594
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.666.076.905
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	88.288.659
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	3.905.896
Tổng	47.312.699.054

5.22 Chi phí tài chính

	Kỳ hoạt động từ 30/5/2014 đến 31/12/2014 VND
Lãi tiền vay	3.103.452.318
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.028.292.852
Chi phí hoạt động tài chính khác	50.000.000
Tổng	4.181.745.170

5.23 Thu nhập khác

	Kỳ hoạt động từ 30/5/2014 đến 31/12/2014 VND
Thu nhập thanh lý tài sản	166.909.091
Thu nhập khác	1.516.234.295
Tổng	1.683.143.386

5.24 Chi phí khác

	Kỳ hoạt động từ 30/5/2014 đến 31/12/2014 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý bất động sản	71.209.803
Chi phí khác	1.428.401.650
Tổng	1.499.611.453

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.25 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ hoạt động từ 30/5/2014 đến 31/12/2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50.537.768.519
Điều chỉnh tăng chi phí không được khấu trừ	-
Điều chỉnh giảm	39.666.076.905
Chuyên lỗ	10.871.691.614
Lợi nhuận chịu thuế	-
Thuế suất áp dụng	22%
Tổng chi phí thuế TNDN năm hiện hành	-

5.26 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ hoạt động từ 30/5/2014 đến 31/12/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	284.723.861.006
Chi phí nhân công	21.819.382.875
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.554.098.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.626.200.006
Chi phí khác bằng tiền	21.624.112.145
Tổng	355.347.654.868

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.12 và số 5.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM - CTCP

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	31/12/2014
	VND
Tài sản tài chính	
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.215.470.044
Phải thu khách hàng và phải thu khác	143.638.554.278
Đầu tư ngắn hạn	1.000.043.227
Tổng	198.854.067.549
Công nợ tài chính	
Các khoản vay	32.034.639.822
Phải trả người bán và phải trả khác	89.870.680.894
Chi phí phải trả	9.362.035.727
Tổng	131.267.356.443

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

6.1 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	31.710.399.678	324.240.144	32.034.639.822
Phải trả người bán và phải trả khác	89.566.751.969	303.928.925	89.870.680.894
Chi phí phải trả	9.362.035.727	-	9.362.035.727

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.215.470.044	-	54.215.470.044
Phải thu khách hàng và phải thu khác	143.638.554.278	-	143.638.554.278
Đầu tư ngắn hạn	1.000.043.227	-	1.000.043.227

6.2 Số liệu so sánh


Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 30/5/2014 đến 31/12/2014 là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty Công nghiệp Ô tô Việt Nam - CTCP theo hình thức Công ty Cổ phần, vì vậy không có số liệu so sánh.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Liên Hoa

Trần Hữu Hưng

Hoàng Anh Tuấn